

Số: 49 /2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ
Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt tại các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan được áp dụng Thông tư này.

Điều 2. Mã số các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt

- | | |
|-------------------------------------|-------------------|
| 1. Quản lý dự án đường sắt hạng I | Mã số: V.12.11.01 |
| 2. Quản lý dự án đường sắt hạng II | Mã số: V.12.11.02 |
| 3. Quản lý dự án đường sắt hạng III | Mã số: V.12.11.03 |
| 4. Quản lý dự án đường sắt hạng IV | Mã số: V.12.11.04 |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Có ý thức trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi; đoàn kết, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi cái mới, tự nâng cao trình độ; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác; tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Quản lý dự án đường sắt hạng I - Mã số: V.12.11.01

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chuyên ngành quản lý dự án đường sắt;

b) Chủ trì tổ chức biên soạn, hệ thống hóa các tiêu chuẩn, các nghiệp vụ quy định về chuyên ngành quản lý dự án đường sắt;

c) Chủ trì nghiên cứu hoặc tham gia xây dựng quy hoạch mạng lưới đường sắt, đề xuất các phương án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt phù hợp với tình hình đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước và của ngành, lĩnh vực;

d) Chủ trì xây dựng, thẩm định đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở trở lên trong quản lý dự án đầu tư xây dựng;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện các công việc về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

e) Chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài;

g) Chủ trì biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công; chủ trì tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm quản lý dự án đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về lĩnh vực đường sắt;

b) Thành thạo nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; nắm vững tình hình và xu thế phát triển của ngành đường sắt trong nước và trên thế giới; có khả năng tổ chức nghiên cứu, cập nhật, ứng dụng công nghệ, nền tảng và tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghề nghiệp;

c) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng I

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng I khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng

II và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Chủ trì xây dựng 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Chủ trì xây dựng 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà cơ quan sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết kế 02 công trình cấp I hoặc 03 công trình cấp II;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II;

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B cùng loại và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng I, thiết kế xây dựng hạng I, giám sát thi công xây dựng hạng I, định giá xây dựng hạng I.

Điều 5. Quản lý dự án đường sắt hạng II - Mã số: V.12.11.02

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì thực hiện các công việc về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt theo quy định trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

b) Chủ trì biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; tham gia tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm quản lý dự án đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

c) Tham gia nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các quy định của pháp luật về chuyên ngành quản lý dự án đường sắt;

d) Tham gia xây dựng quy hoạch mạng lưới đường sắt, đề xuất các phương án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt phù hợp với tình hình đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước và của ngành;

đ) Tham gia xây dựng, thẩm định đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở trở lên trong quản lý dự án đầu tư xây dựng;

e) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài;

g) Tổ chức biên soạn, hệ thống hóa các tiêu chuẩn, các nghiệp vụ quy định về chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành đường sắt;

b) Thành thạo nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; có khả năng tổ chức nghiên cứu, cập nhật, ứng dụng công nghệ, nền tảng và tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghề nghiệp;

c) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Tham gia xây dựng 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Tham gia xây dựng 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà cơ quan sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết kế của 02 công trình cấp II hoặc 03 công trình cấp III;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng

của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng II, thiết kế xây dựng hạng II, giám sát thi công xây dựng hạng II, định giá xây dựng hạng II.

Điều 6. Quản lý dự án đường sắt hạng III - Mã số: V.12.11.03

1. Nhiệm vụ

a) Tham gia biên soạn, hệ thống hóa các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các nghiệp vụ quy định về chuyên ngành quản lý dự án đường sắt;

b) Nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các vấn đề cụ thể; phối hợp với các đồng nghiệp thực hiện các công việc có liên quan;

c) Tham gia thực hiện các công việc về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt theo quy định trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

d) Tham gia xây dựng, thẩm định đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở trở lên trong quản lý dự án đầu tư xây dựng;

đ) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng đường sắt;

e) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài;

g) Tham gia biên soạn các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; tham gia tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm quản lý dự án đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành đường sắt;

b) Thành thạo nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; có khả năng tổ chức nghiên cứu, cập nhật, ứng dụng công nghệ, nền tảng và tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghề nghiệp;

c) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ

hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng IV và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm C cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết của 02 công trình cấp III;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của 01 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp III;

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án đầu tư xây dựng nhóm C và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng III, thiết kế xây dựng hạng III, giám sát thi công xây dựng hạng III, định giá xây dựng hạng III.

Điều 7. Quản lý dự án đường sắt hạng IV - Mã số: V.12.11.04

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng đường sắt, các công việc có tính chất thường xuyên, lặp đi lặp lại theo một quy trình cụ thể;

b) Thực hiện nhiệm vụ về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thủ tục và các hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của chuyên ngành quản lý dự án đường sắt; chủ trương của lãnh đạo trực tiếp;

b) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực được phân công; có khả năng thực hành các nhiệm vụ kỹ thuật được đảm nhiệm;

c) Hiểu được tính chất, đặc điểm hoạt động của các đối tượng quản lý và nghiệp vụ quản lý.

Chương III

XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT

Điều 8. Nguyên tắc thực hiện việc xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt

1. Việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

2. Khi chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trường hợp viên chức chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này thì thực hiện như sau:

a) Nếu viên chức còn thời hạn dưới 05 năm (60 tháng) công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu thì tiếp tục được giữ ngạch hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương theo ngạch hiện hưởng;

b) Nếu viên chức còn thời hạn từ 05 năm (60 tháng) công tác trở lên, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) cơ quan sử dụng viên chức có trách nhiệm bố trí để viên chức học tập đảm bảo đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt theo quy định tại Thông tư này. Sau thời gian quy định tại điểm này, nếu viên chức không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét bố trí công việc khác phù hợp hoặc thực hiện tinh giản theo quy định.

2. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) được ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

- a) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;
- b) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;
- c) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;
- d) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

3. Việc xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt đang xếp lương ở các ngạch công chức, viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

- a) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng I, mã số V.12.11.01, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A3, nhóm 1 (A3.1);
- b) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II, mã số V.12.11.02, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A2, nhóm 1 (A2.1);
- c) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III, mã số V.12.11.03, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A1;
- d) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng VI, mã số V.12.11.04, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A0.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.
- 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. *Hu*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

